



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 08-09

Xét tốt nghiệp (K40DDK)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

180
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	DVH	BBTC	NHHK	ĐTK	CCTH	CCNN
1	K39C143	LÊ TUẤN ANH	111104541	175	2.13		Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
2	40.1090.K40U	NGÔ VĂN BIÊN	111104541	178	2.29	120506	Khí cụ điện 1b	2		062	7.0 2.0 4.0		
3	K39M688	BÙI QUANG BÌNH	111104541	171	2.17	110300	Cơ học ứng dụng 1a	3		061	6.0 0.0 3.0		
						110611	CAD-CAM	1	062	4.0 5.0 0.0			
						140248	Lý thuyết điều khiển tự động 1b	2	062	0.0 3.0 5.0			
						160016	Thực tập cơ sở	1	051	2.0			
						170007	Xác suất thống kê	2	052	0.0			
						170301	Giáo dục thể chất 2		042	0.0C			
						170303	Giáo dục thể chất 4		052	0.0 0.0			
4	40.1166.K40V	NGUYỄN BÁ ĐỒNG	111104541	154	2.05	120105	Hệ thống cung cấp điện 1b	4		071	3.0 2.0		
						120501	Máy điện 2	3	062	4.0 2.0 5.0			
						120506	Khí cụ điện 1b	2	062	3.0 0.0 2.0			
						140206	Điều khiển số	2	072	7.0 1.0			
						140231	Thiết bị tự động 1	2	072	6.0 0.0			
						190303	Quản trị doanh nghiệp	3	072	1.0 3.5			
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
5	K39H450	LÊ MINH HUÂN	111104541	150	1.97	110611	CAD-CAM	1		062	8.0 4.0 3.0		
						120389	Truyền động điện 1a	3	062	7.0 4.0 4.0			
						120500	Máy điện 1	3	061	5.0 0.0 3.0			
						120501	Máy điện 2	3	062	4.0 0.0 3.0			
						120506	Khí cụ điện 1b	2	062	4.0 3.0 3.0			
						140212	ĐA Hệ thống ĐK lập trình	1	071	3.0			
						140213	HT điều khiển phân tán	2	081	6.0 3.0			
						142000	Thực tập tốt nghiệp	2					
						170304	Giáo dục thể chất 5		061	0.0 0.0 0.0			
						190303	Quản trị doanh nghiệp	3	072	2.0 2.0			
	Nhóm bắt buộc tự chọn		1										
6	40.0579.K40I	NGÔ BÁ HÙNG	111104541	172	2.05	110611	CAD-CAM	1		062	7.0 4.0 3.0		
						140590	Lập trình ứng dụng	2	072	4.5 3.0			
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
7	40.1111.K40U	PHẠM NGỌC HUY	111104541	130	2.01	110611	CAD-CAM	1		062	6.0 0.0 0.0		
						120105	Hệ thống cung cấp điện 1b	4	071	5.0 3.0			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	DVH	BBTC	NHHK	ĐTK	CCTH	CCNN
						120110	Kỹ thuật nhiệt	2		052	0.0 3.0		
						120205	TĐH quá trình cơ điện	2		072	5.2 3.0		
						120300	Điện tử công suất 1a	3		062	3.0 2.0 5.0		
						120501	Máy điện 2	3		062	4.0 0.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	6.0 3.0 4.0		
						140006	Kỹ thuật điện tử 1a	2		052	3.0 2.0		
						140206	Điều khiển số	2		072	6.5 0.0		
						140212	ĐA Hệ thống ĐK lập trình	1		071	0.0		
						140215	HT TT công nghiệp 1a	2		072	5.0 0.0		
						140217	ĐA hệ thống thông tin CN	1		072	0.0		
						140218	Hệ thống ĐK thông minh	3		072	5.0 0.0		
						140223	Lý thuyết ĐK nâng cao 1	2		072	9.0 0.0		
						140231	Thiết bị tự động 1	2		072	5.0 0.0		
						140233	ĐA thiết bị tự động	1		081	0.0		
						140590	Lập trình ứng dụng	2		072	4.5 0.0		
						142000	Thực tập tốt nghiệp	2					
						190303	Quản trị doanh nghiệp	3		072	2.0 0.0		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
8	K39H454	NGUYỄN XUÂN	LẬP	111104541	130	2.15	110611	CAD-CAM	1		062	0.0 0.0 0.0	
							120110	Kỹ thuật nhiệt	2		041	4.0 3.0	
							120389	Truyền động điện 1a	3		062	0.0 0.0 0.0	
							120405	Lý thuyết trường điện từ	2		051	4.0 4.0	
							120406	Lý thuyết mạch 2a	4		051	4.0 1.0 4.0	
							120500	Máy điện 1	3		061	4.0 0.0 3.0	
							120501	Máy điện 2	3		062	0.0 0.0	
							120506	Khí cụ điện 1b	2		052	4.0 4.0	
							140007	Kỹ thuật điện tử 2a	2		061	3.0 3.0 0.0	
							140008	Kỹ thuật điện tử 3a	3		062	4.0 0.0 0.0	
							140212	ĐA Hệ thống ĐK lập trình	1		071	0.0	
							140259	Kỹ thuật đo lường 1b	4		071	4.0 2.0	
							140329	Vi xử lý trong ĐLĐK	3		052	1.0 2.0	
							142000	Thực tập tốt nghiệp	2				
							170007	Xác suất thống kê	2		072	0.0 3.0	
							170505	Ngoại ngữ kỹ thuật (Anh văn)	3		061	4.0 3.0 4.0	
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
9	40.0315.K40E	PHAN HỒNG	NHẬT	111104541	161	2.11	120300	Điện tử công suất 1a	3		062	0.0 0.0 3.0	
							120501	Máy điện 2	3		073	2.6 0.0	

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	DVH	BBTC	NHHK	ĐTK	CCTH	CCNN
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	5.0 1.0 3.0		
						140212	ĐA Hệ thống ĐK lập trình	1		071	0.0		
						140329	Vi xử lý trong ĐLĐK	3		071	7.0 0.0		
						140590	Lập trình ứng dụng	2		072	5.5 2.0		
						170304	Giáo dục thể chất 5			061	4.0 4.0 5.0		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
10	40.0933.K40P	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	111104541	168	2.11	142000	Thực tập tốt nghiệp	2				
						170303	Giáo dục thể chất 4			082	6.0 0.0		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
11	K39I535	VŨ HUY	THANH	111104541	175	2.10	120501	Máy điện 2	3	082	3.3 2.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	4.0 5.0 3.0		
12	40.0326.K40E	DƯƠNG VĂN	THUẬN	111104541	146	1.98	120105	Hệ thống cung cấp điện 1b	4		071	3.0 2.0	
						120205	TĐH quá trình cơ điện	2		072	4.2 3.0		
						120300	Điện tử công suất 1a	3		062	4.0 3.0 5.0		
						120501	Máy điện 2	3		062	4.0 0.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	5.0 3.0 4.0		
						120507	Vật liệu điện	2		061	4.0 2.0 3.0		
						140100	Xử lý tín hiệu số	3		081	4.0 3.5		
						142000	Thực tập tốt nghiệp	2					
						190303	Quản trị doanh nghiệp	3		072	3.0 2.5		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
13	K39L669	BÙI VĂN	THỨC	111104541	174	2.02	110611	CAD-CAM	1	062	4.0 2.0 5.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	4.0 1.0 3.0		
						140008	Kỹ thuật điện tử 3a	3		062	7.0 0.0 0.0		
14	40.0878.K40N	LÊ NGỌC	TÌNH	111104541	170	2.12	120389	Truyền động điện 1a	3	062	7.0 4.0 4.0		
						120501	Máy điện 2	3		082	3.3 4.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	6.0 2.0 4.0		
						140206	Điều khiển số	2		072	6.5 2.0		
15	K39K612	LÊ	TRƯỜNG	111104541	174	2.24	110611	CAD-CAM	1	062	7.0 4.0 3.0		
						140008	Kỹ thuật điện tử 3a	3		062	7.0 0.0 0.0		
						140206	Điều khiển số	2		072	7.0 2.5		
16	40.0191.K40C	NGUYỄN QUANG	TUÂN	111104541	155	2.17	120110	Kỹ thuật nhiệt	2	052	2.0 4.0		
						120501	Máy điện 2	3		062	4.0 0.0 5.0		
						140008	Kỹ thuật điện tử 3a	3		062	5.0 1.0 4.0		
						140224	Lý thuyết ĐK nâng cao	2		081	4.0 0.0		
						140329	Vi xử lý trong ĐLĐK	3		071	4.0 2.0		
						142000	Thực tập tốt nghiệp	2					

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	DVH	BBTC	NHHK	ĐTK	CCTH	CCNN
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
17	K39I548	BÙI QUANG TUẤN	111104541	130	2.02	110300	Cơ học ứng dụng 1a	3		061	6.0 1.0 4.0		
						120105	Hệ thống cung cấp điện 1b	4		071	6.0 0.0		
						120400	Lý thuyết mạch 1a	3		051	2.0 4.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	4.0 0.0 5.0		
						140008	Kỹ thuật điện tử 3a	3		062	5.0 0.0 4.0		
						140206	Điều khiển số	2		072	9.5 2.0		
						140210	Hệ thống đk lập trình	4		071	6.0 0.0		
						140212	ĐA Hệ thống ĐK lập trình	1		071	0.0		
						140217	ĐA hệ thống thông tin CN	1		072	0.0		
						140225	Nhận dạng	2		071	9.0 0.0		
						140233	ĐA thiết bị tự động	1		081	0.0		
						140259	Kỹ thuật đo lường 1b	4		071	2.0 0.0		
						140329	Vi xử lý trong ĐLĐK	3		071	7.0 0.0		
						142000	Thực tập tốt nghiệp	2					
						142027	Thực tập chuyên ngành	2		071	0.0		
						170000	Đại số	3		041	3.0		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		1				
18	40.0820.K40M	TRẦN ANH TUẤN	111104541	124	2.18	110300	Cơ học ứng dụng 1a	3		061	2.0 0.0 5.0		
						120105	Hệ thống cung cấp điện 1b	4		071	0.0 5.0		
						120205	TĐH quá trình cơ điện	2		072	4.5 3.0		
						120300	Điện tử công suất 1a	3		062	0.0 0.0 3.0		
						120400	Lý thuyết mạch 1a	3		051	2.0 2.0		
						120501	Máy điện 2	3		062	5.0 0.0		
						120506	Khí cụ điện 1b	2		062	3.0 0.0		
						120507	Vật liệu điện	2		061	7.0 0.0		
						140007	Kỹ thuật điện tử 2a	2		061	7.0 2.0 0.0		
						140210	Hệ thống đk lập trình	4		081	0.0 4.0		
						140212	ĐA Hệ thống ĐK lập trình	1		071	0.0		
						140222	Kỹ thuật Sensor	1		062	0.0 4.0 0.0		
						140223	Lý thuyết ĐK nâng cao 1	2		072	10.0 2.0		
						140225	Nhận dạng	2		071	9.0 0.0		
						140233	ĐA thiết bị tự động	1		081	0.0		
						140329	Vi xử lý trong ĐLĐK	3		071	5.0 2.0		
						142000	Thực tập tốt nghiệp	2					
						170304	Giáo dục thể chất 5			061	4.0 0.0 0.0		
						170502	Ngoại ngữ 3 (Anh văn)	3		051	3.0 2.0		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	DVH	BBTC	NHHK	ĐTK	CCTH	CCNN
						190303	Quản trị doanh nghiệp Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1	072	2.0 4.0		
19	40.1153.K40U	PHAN HỒNG VINH	111104541	174	2.24	120406 120506	Lý thuyết mạch 2a Khí cụ điện 1b	4 2		063 062	7.0 4.0 4.0 6.0 1.0 3.0		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được
Nhóm TC 1: 10 TC

0101. 142001 Đồ án tốt nghiệp

5 90601 Thi tốt nghiệp - Chuyên Ngành

10 90600 Thi tốt nghiệp - Môn Cơ sở

5

NGƯỜI LẬP

Ngày 21 tháng 06 năm 2009
PHÒNG ĐÀO TẠO